

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2022/HS-ST
Ngày : 13-9-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hứa Hoàng Thảo
2. Bà Trần Thị Ánh Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Bảo Hằng- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hường - Kiểm sát viên

Trong ngày 13 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 47/2022/HSST ngày 26 tháng 8 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2022/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 8 năm 2022 đối với bị cáo:

HUN VEA S., sinh ngày 15/10/1994 tại Vương quốc Campuchia; Nơi đăng ký thường trú: ấp T., xã C., huyện R., tỉnh R1., Vương quốc Campuchia; Nơi ở trước khi bị bắt: ấp Th., xã L., huyện B., tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: Mua bán; Trình độ văn hóa (học vấn): Không biết chữ; Dân tộc: Khmer; Giới tính: Nam; Tôn giáo: đạo Phật; Quốc tịch: Campuchia; Con ông Hun B., sinh năm 1969 và bà Suôn Sóc Ph., sinh năm 1970; Chung sống như vợ chồng với Nèang Sóc P., sinh năm 1994 và có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2017, nhỏ nhất sinh năm 2020;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/4/2022 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa

- Người phiên dịch: Ông Chau Sóc X. – Biên dịch viên tiếng Khmer Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh An Giang (Có mặt).

- Người bị hại:

Chị Nguyễn Thị Xuân H., sinh năm 1992; nơi đăng ký thường trú: khu vực Th. 2, phường Th1., quận N., thành phố Cần Thơ; nơi ở hiện nay: khóm 1, thị trấn

Tr., huyện Tr., tỉnh An Giang (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Dương Văn G., sinh năm 1988; nơi cư trú: Số 410 S., khóm H.T., thị trấn N., huyện B., tỉnh An Giang (có mặt);

2. Nàng Sóc P., sinh năm 1994; nơi cư trú: ấp Th., xã L., huyện B., tỉnh An Giang (có mặt)

- *Người làm chứng:*

1. Anh Quách Văn Q., sinh năm 1983; nơi cư trú: ấp X, xã A., huyện Tr., tỉnh An Giang (vắng mặt);

2. Ông Phạm Văn T., sinh năm 1970; nơi cư trú: ấp G., xã L., huyện Tri., tỉnh An Giang (vắng mặt);

3. Anh Cao Văn T1., sinh ngày 08/4/1986; nơi cư trú: khóm 1, thị trấn Tri., huyện Tr., tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ ngày 21/4/2022, Hun Veà S. điều khiển xe mô tô biển số 67F1-404.85 của Nàng Sóc P. (chung sống như vợ chồng với S.) đến khu vực hồ S.C thuộc ấp H., xã N., huyện Tr., tỉnh An Giang tìm tài sản người đi đường để cướp giật, đem bán lấy tiền tiêu xài. S. thấy Nguyễn Thị Xuân H. trên tay cầm điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro max màu xám, có gắn dây tai nghe, S. giả vờ chào H., thì H. để điện thoại Iphone 11 Pro max vào túi quần bên trái, lên xe đạp chạy đi khoảng 30 mét hướng về xã L., huyện Tr.. Lúc này, S. điều khiển xe mô tô từ phía sau vượt lên áp sát bên trái dùng tay phải giật lấy điện thoại Iphone 11 Pro max của H., làm đứt dây tai nghe và H. té ngã xuống đường nhưng không gây thương tích, rồi S. tăng ga xe bỏ chạy tẩu thoát. Trên đường đi, S. dùng xe tháo ốp lưng điện thoại vừa giật được lấy 02 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng cất vào túi quần rồi ném bỏ ốp lưng và mang điện thoại Iphone 11 Pro max đến tiệm điện thoại của Dương Văn G. ở khóm H., thị trấn N., huyện B., tỉnh An Giang bán với giá 3.000.000 đồng. Sau đó, S. về nhà đưa cho Nàng Sóc P. 2.000.000 đồng và nói là tiền của mẹ nuôi cho con của S. và P., S. giữ lại 1.400.000 đồng tiêu xài. Đến 20 giờ 05 phút cùng ngày, S. bị bắt giữ và thu giữ 1.000.000 đồng. Ngày 29/4/2022, S. bị khởi tố điều tra.

Quá trình điều tra, S. khai nhận ngoài lần phạm tội trên, vào ngày 08/4/2022, S. còn điều khiển xe mô tô biển số 67F1-404.85 đến khu vực công chào đường vào hồ S.C. cướp giật 01 điện thoại di động hiệu Oppo A53 của người nữ khoảng 13 tuổi, đang ngồi trên xe đạp điện. Điện thoại cướp giật được, S. mang đến tiệm điện thoại “Loan Phụng” thuộc xã A., huyện B. bán cho Quách Văn Q. với giá 1.500.000 đồng.

* Vật chứng: Thu giữ 01 xe mô tô biển số 67F1-404.85; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro max; 01 mũ bảo hiểm màu xanh; 3.400.000 đồng và một số đồ vật có liên quan. Đã trả lại cho: Nguyễn Thị Xuân H. 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro max và 400.000 đồng; Dương Văn G. số tiền 3.000.000 đồng.

* Căn cứ Kết luận định giá tài sản số 11/KL-HĐĐG.TTHS ngày 28/4/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Tr., kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 pro max, mặt lưng màu xám, 03 camera phía sau, ở giữa ốp lưng có hình trái táo màu trắng, giá trị 13.000.000 đồng.

* Căn cứ Công văn số 14.22.01/STC-HĐĐG.TTHS ngày 03/8/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh An Giang, kết luận: 01 điện thoại di động hiệu OPPO A53 chưa có đầy đủ thông tin về đặc điểm kinh tế - kỹ thuật, nguồn gốc xuất xứ, năm sản xuất, năm sử dụng. Vì vậy, chưa đủ cơ sở xác định giá trị.

Cáo trạng số 65/CT-VKSAG-P2 ngày 26/8/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang truy tố bị cáo Hun Vea S. về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay,

Bị cáo Hun Vea S.: Không có ý kiến hoặc bất kỳ khiếu nại về quyết định truy tố của Viện kiểm sát. Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung vụ án.

Người bị hại Nguyễn Thị Xuân H. vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình điều tra trình bày: Đã nhận lại tài sản, không bị thương tích gì nên không yêu cầu bị cáo bồi thường và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm: Giữ nguyên truy tố như cáo trạng. Bị cáo đã dùng xe mô tô phân khối lớn thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự với tình tiết tăng nặng định khung hình phạt “Dùng thủ đoạn nguy hiểm” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của công dân và ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an ở địa phương vì vậy cần có một mức án tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo. Tuy nhiên, khi lượng hình có xem xét: Gia đình bị cáo đã trả lại số tiền 2.400.000 đồng khắc phục hậu quả, bị cáo đã thành khẩn khai báo trong quá trình điều tra và tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải, thấy được hành vi vi phạm pháp luật của mình. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định:

- Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Hun Vea S. từ 03 năm đến 05 năm tù.

- Hình phạt bổ sung: Áp dụng Điều 37 Bộ luật Hình sự. Trục xuất bị cáo Hun Vea S. khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam sau khi chấp hành xong hình phạt.

- Về xử lý vật chứng: Đối với xe mô tô Vario biển số 67F1-404.85 là của Nèang Sóc P. nhưng chị P. không biết S. sử dụng xe làm phương tiện đi cướp giật

và đã tự nguyện nộp lại 2.400.000 đồng do vậy đề xuất trả lại xe cho Nàng Sóc P.. Còn các vật chứng khác không còn giá trị sử dụng đề nghị tịch thu tiêu hủy.

- Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Bị cáo nói lời sau cùng: Thừa nhận hành vi phạm tội đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang đã truy tố và nhận thức được việc làm sai trái của bản thân, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về tố tụng:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh An Giang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Sự có mặt của đương sự: Người bị hại, người làm chứng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do. Xét thấy, sự vắng mặt của người bị hại, người làm chứng không ảnh hưởng đến việc xét xử, giải quyết vụ án; mặt khác những người này đã có lời khai trong quá trình điều tra, khi cần thiết Hội đồng xét xử sẽ công bố lời khai của họ trước phiên tòa. Căn cứ Điều 292, Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Về nội dung vụ án:

[3] Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Theo đó, lời khai của bị cáo hoàn toàn phù hợp với Biên bản giữ người trong trường hợp khẩn cấp, tang vật thu giữ và đồng thời cũng phù hợp với Kết luận định giá tài sản số 11/KL-HĐĐG.TTHS ngày 28/4/2022 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Tr. và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Ngoài ra, nó còn phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Có đầy đủ căn cứ xác định: Khoảng 07 giờ ngày 21/4/2022 tại khu vực ấp H., xã N., huyện Tr., tỉnh An Giang, Hun Veà S. đã có hành vi sử dụng xe mô tô biển kiểm soát 67F1 – 404.85, loại Vario phân khối lớn đi cướp giật 01 điện thoại di động Iphone 11 pro max trị giá 13.000.000 đồng và số tiền 400.000 đồng của chị Nguyễn Thị Xuân H.. Căn cứ pháp luật, hành vi của bị cáo Hun Veà S. đã phạm vào tội “Cướp giật tài sản” với tình tiết tăng nặng định

khung hình phạt “Dùng thủ đoạn nguy hiểm” được quy định và trừng phạt tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4] Đối với:

- Việc Hun Vea S. khai thực hiện hành vi cướp giật 01 điện thoại hiệu Oppo A53 nhưng không xác định được giá trị; đã thông báo tìm bị hại nhưng đến nay không có kết quả nên chưa đủ căn cứ quy kết trách nhiệm hình sự đối với lần phạm tội này của S.. Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh An Giang tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau.

- Dương Văn G., Quách Văn Q. khi mua điện thoại di động Iphone 11 pro max và Oppo A53 của Hun Vea S. nhưng không biết tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh An Giang không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với G., Q. về tội "Tiêu thụ tài sản do khác phạm tội mà có" là có căn cứ.

- Việc Hun Vea S. xuất, nhập cảnh trái phép từ Campuchia vào lãnh thổ Việt Nam là trái pháp luật nhưng chưa bị xử phạt vi phạm hành chính do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự là có căn cứ tuy nhiên cần công khai giáo dục bị cáo tại phiên tòa.

[5] Xét về tính chất vụ án thì thấy:

[5.1] Quyền sở hữu về tài sản của công dân là quyền sở hữu hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Mọi hành vi trái pháp luật nhằm xâm phạm đến tài sản của người khác được xem là hành vi nguy hiểm cho xã hội sẽ bị xử lý kịp thời và nghiêm minh.

[5.2] Với bị cáo Hun Vea S., mặc dù bị cáo là người nước ngoài tuy nhiên bị cáo vẫn nhận thức, phân biệt được đúng, sai, việc nào nên làm và không nên làm. Lẽ ra, bị cáo phải cố gắng lao động để nuôi sống bản thân và gia đình, nuôi dạy con cái, trở thành một người cha mẫu mực, một công dân tốt, có ích cho xã hội. Thế nhưng chỉ vì hoàn cảnh gia đình khó khăn, muốn nhanh chóng có tiền để lo cho gia đình và tiêu xài cá nhân mà bị cáo đã nảy sinh ý định đi cướp giật tài sản. Bị cáo đã sử dụng xe mô tô phân khối lớn để đi cướp giật tài sản của người khác. Hành vi của bị cáo không những đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản mà còn có thể gây nguy hại đến sức khỏe của người bị hại đồng thời gây mất an ninh, trật tự tại địa phương, ảnh hưởng xấu trong dư luận xã hội. Do vậy, cần phải có mức hình phạt nghiêm để giáo dục bị cáo và răn đe phòng chống tội phạm.

[5.4] Tuy nhiên, bị cáo không có tình tiết tăng nặng nào. Tại phiên tòa hôm nay, cũng như trong quá trình điều tra, bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ rõ thái độ ăn năn, hối cải; chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo là công dân nước ngoài (quốc tịch Campuchia), thuộc thành phần nhân dân lao động nghèo nên nhận thức pháp luật của nước Việt Nam có phần hạn chế; bị cáo đã tự động nộp khắc phục 3.400.000 đồng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Mặt khác, cũng cần có chính sách khoan hồng đối với

người nước ngoài phạm tội trên lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Hội đồng xét xử có cân nhắc, xem xét và quyết định giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và cần trục xuất bị cáo rời khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam sau khi chấp hành xong hình phạt.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, thu nhập không ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội trực tiếp xâm hại đến tài sản của người bị hại thì bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường. Quá trình điều tra, chị Nguyễn Thị Xuân H. đã nhận lại điện thoại, 400.000 đồng và không bị thương tích nên không yêu cầu bồi thường; anh Dương Văn G. cũng đã nhận lại 3.000.000 đồng nên không yêu cầu gì. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8.] Về xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra có thu giữ một số tài sản, cần phân hóa ra để xử lý như sau:

- 01 xe mô tô biển số 67F1-404.85, số máy: IMSIE1146138, số khung: MH1JM5116JK146240, hiệu Vario (đã qua sử dụng) là của chị Nèang Sóc P.; tuy nhiên chị P. không biết việc bị cáo sử dụng để đi cướp giật tài sản do vậy cần tuyên trả cho chị P. tiếp tục quản lý, sử dụng.

- 01 quần ngắn loại vải màu đỏ xanh; 01 áo sơ mi dài tay màu trắng có hình đầu lâu màu đen và 01 mũ bảo hiểm màu xanh, 02 bên mũ có sọc trắng, phía trước mũ bảo hiểm có chữ “TD”, mũ có kết màu đen: không còn giá trị sử dụng cần tuyên tịch thu tiêu hủy.

[9] Về án phí: Bị cáo đã bị kết án buộc phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Tuyên bố bị cáo Hun Vea S. phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Hun Vea S. 03 năm tù, thời hạn tù được tính từ ngày 22/4/2022.

Căn cứ Điều 37 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017: Trục xuất bị cáo Hun Vea S. rời khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam sau khi chấp hành xong hình phạt tù.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

- Tịch thu tiêu hủy: 01 quần ngắn loại vải màu đỏ xanh; 01 áo sơ mi dài tay màu trắng có hình đầu lâu màu đen và 01 mũ bảo hiểm màu xanh, 02 bên mũ có sọc trắng, phía trước mũ bảo hiểm có chữ “TD”, mũ có kết màu đen.

- Trả lại cho chị Nèang Sóc P. 01 xe mô tô biển số 67F1-404.85, số máy: IMSIE1146138, số khung: MH1JM5116JK146240, hiệu Vario.

(Các vật chứng trên hiện do Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang quản lý theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 05/9/2022 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra (PC03) Công an tỉnh An Giang và Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang).

3. Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa:

Bị cáo Hun Vea S. phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người bị hại được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại Trụ sở UBND xã, phường (thị trấn) nơi cư trú./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao (1);
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh (2);
- Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra (1);
- Phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra (1);
- Phòng lưu trữ hồ sơ - Công an tỉnh (1);
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh (1);
- Sở Tư pháp tỉnh (1);
- Trại tạm giam (1);
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án (1);
- Văn phòng (1);
- Bị cáo (1);
- Người bị hại (1);
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (1);
- Lưu Tòa;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Hồng